

CHUYÊN ĐỀ 1: ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

Phần này rất nhiều học sinh đánh giá khó và sợ học vì cho rằng đây là kiến thức phải học thuộc lòng. Thực chất, không hoàn toàn như vậy. Các thành phần tự nhiên có mối quan hệ biện chứng với nhau, một đặc điểm của thành phần này sẽ dẫn tới những đặc điểm của các thành phần khác. Vì vậy, để ôn tập phần tự nhiên hiệu quả, chúng ta nên hệ thống hóa kiến thức thành sơ đồ hoặc các bảng thống kê. Các kiến thức địa lí nên học theo phương pháp diễn dịch (đi từ đặc điểm tổng quan đến cụ thể). Ví dụ:

1. Nội dung: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ

· Vị trí địa lí:

	<i>Đặc điểm</i>	<i>Ý nghĩa</i>
Tự nhiên	<ul style="list-style-type: none">- Phía Đông Nam của châu Á.- Ria phía Đông của bán đảo Đông Dương.- Hệ tọa độ: (kể tên, tọa độ các điểm cực)- Kè vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.	<ul style="list-style-type: none">- Quy định thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.- Tài nguyên khoáng sản đa dạng.- Tài nguyên sinh vật rất phong phú.- Thiên nhiên phân hóa đa dạng giữa các vùng tự nhiên khác nhau.- Nằm trong vùng có nhiều thiên tai trên thế giới (bão, lũ lụt, hạn hán...)
Kinh tế Xã hội	<ul style="list-style-type: none">- Gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.- Thuộc múi giờ số 7.- Gần các nước có nền kinh tế phát triển: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn quốc...- Trên ngã tư đường hàng hải, hàng không quốc tế	<ul style="list-style-type: none">- Kinh tế: Thuận lợi trong phát triển kinh tế, hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.- Văn hóa – xã hội: Thuận lợi trong giữ gìn hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á.- An ninh quốc phòng: Vị trí nước ta rất quan trọng trong một khu vực kinh tế rất năng động và nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới. Biển Đông cũng rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

· Phạm vi lãnh thổ: gồm ba vùng: vùng đất, vùng trời và vùng biển (SGK)

2. Nội dung: Đặc điểm chung của tự nhiên

a/ Đất nước nhiều đồi núi

· Đặc điểm chung của địa hình: SGK rất ngắn gọn, rõ ràng.

· Khu vực đồi núi:

- Vùng núi: 4 vùng: Tây Bắc, Đông Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

	<i>Đông Bắc</i>	<i>Tây Bắc</i>	<i>Trường Sơn Bắc</i>	<i>Trường Sơn Nam</i>				
Phạm vi	Tả ngạn sông Hồng	Giữa sông Hồng và sông Cả	Từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã	Phía Nam dãy Bạch Mã.				
Hướng núi	Vòng cung	Tây Bắc – Đông Nam	Tây Bắc – Đông Nam	Vòng cung				
Hình thái chung	- Các cánh cung chụm lại ở Tam Đảo, mở ra phía bắc và đông	- Cao nhất cả nước. - Phía Đông và Tây là các dãy núi cao và trung bình. Ở giữa thấp hơn gồm các dãy núi, sơn nguyên và cao nguyên đá vôi.	- Các dãy núi song song và so le nhau, cao ở hai đầu và thấp trũng ở giữa. - Kết thúc là dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển.	- Bất đối xứng rõ rệt giữa 2 sườn Đông – Tây: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Tây</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Đông</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">các cao nguyên badan bằng phẳng, các bán bình nguyên xen đồi</td> <td style="text-align: center;">các khối núi cao đồ sộ, sườn dốc chên vênh.</td> </tr> </table>	Tây	Đông	các cao nguyên badan bằng phẳng, các bán bình nguyên xen đồi	các khối núi cao đồ sộ, sườn dốc chên vênh.
Tây	Đông							
các cao nguyên badan bằng phẳng, các bán bình nguyên xen đồi	các khối núi cao đồ sộ, sườn dốc chên vênh.							
Các dãy núi chính, các sông chính	- Cánh cung Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều. - Các sông: Cầu, Thương, Lục Nam.	- Dãy Hoàng Liên Sơn (đỉnh Fansiphăng 3143m). - Sông Đà, Mã, Chu.	- Dãy Giăng Màn, Hoàng Sơn, Bạch Mã. - Đỉnh Pu xai lai leng (2711m), Rào Cỏ (2235m). - Sông Cả, Gianh, Đại, Bến Hải...	- Đỉnh Ngọc Linh (2598m), Ngọc Kringh (2025m), Chư Yang Sin (2405m), Lâm Viên (2287m)...- Sông Cái, Ba, Đồng Nai...				

- Vùng bán bình nguyên và đồi trung du: Vùng chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng, cao khoảng 100 – 200m: Đông Nam Bộ, rìa đồng bằng sông Hồng...

· Khu vực đồng bằng: ¼ diện tích, gồm 2 loại: đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển.

	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long	Đồng bằng duyên hải miền Trung						
Diện tích	Khoảng 15.000km ²	Khoảng 40.000km ²	Khoảng 15.000km ²						
Điều kiện hình thành	Phù sa hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình	Phù sa sông Tiền và sông Hậu	Chủ yếu là phù sa biển						
Địa hình	<p>Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.</p> <p>Bị chia cắt thành nhiều ô.</p> <p>Có hệ thống đê ven sông</p> <p>Trong đê có các khu ruộng cao và các ô trũng ngập nước</p>	<p>Thấp và bằng phẳng hơn đồng bằng sông Hồng</p> <p>Có mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt</p> <p>Không có đê ngăn lũ: mùa lũ bị ngập trên diện rộng, mùa cạn bị thủy triều xâm nhập</p> <p>Có các vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên...</p>	<p>Hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ</p> <p>Thường có sự phân chia thành ba dải:</p> <table border="1"> <tr> <td>Trong cùng</td> <td>Giữa</td> <td>Giáp biển</td> </tr> <tr> <td>Cao hơn</td> <td>Thấp, trũng</td> <td>Cồn cát, đầm phá</td> </tr> </table>	Trong cùng	Giữa	Giáp biển	Cao hơn	Thấp, trũng	Cồn cát, đầm phá
Trong cùng	Giữa	Giáp biển							
Cao hơn	Thấp, trũng	Cồn cát, đầm phá							
Đất	Trong đê không được bồi đắp nên bạc màu, ngoài đê màu mỡ hơn	<p>Đất phù sa màu mỡ được bồi đắp thường xuyên.</p> <p>2/3 diện tích là đất mặn và đất phèn.</p>	Nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, ít phù sa sông						

· Ảnh hưởng của thiên nhiên các khu vực địa hình trong phát triển kinh tế - xã hội. (phần này SGK viết rất ngắn gọn, nên hệ thống lại thành bảng theo mẫu dưới đây để hiểu nhanh hơn và dễ so sánh hơn)

	<i>Khu vực đồi núi</i>	<i>Khu vực đồng bằng</i>
<i>Thế mạnh</i>		
<i>Hạn chế</i>		

b/ Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

- Khái quát về biển Đông: SGK
- Ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam

	<i>Ảnh hưởng của biển</i>	<i>Kết quả</i>
<i>Khí hậu</i>	Tăng độ ẩm của các khối khí đi qua biển	Lượng mưa và độ ẩm lớn Giảm bớt lạnh khô vào mùa đông và nóng bức vào mùa hạ Khí hậu mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hòa hơn
<i>Địa hình ven biển</i>	Tác động phong hóa, mài mòn của sóng, dòng biển, thủy triều đến vùng ven biển	Địa hình ven biển rất đa dạng: Vịnh cửa sông, bờ biển mài mòn, tam giác châu có bãi triều rộng, bãi cát, đầm phá, cồn cát, vũng vịnh, đảo ven bờ, rạn san hô...
<i>Hệ sinh thái vùng ven biển</i>	Khí hậu ven biển có độ ẩm cao hơn, đất nhiễm mặn, phèn	Hệ sinh thái ven biển rất đa dạng và giàu có: HST rừng ngập mặn, HST trên đất phèn, HST rừng trên đảo...
<i>Tài nguyên thiên nhiên vùng biển</i>	Thềm lục địa có nhiều khoáng sản. Phong hóa mạnh vùng địa hình ven biển. Ven biển có nhiệt độ cao, nhiều nắng.	Có nhiều bể dầu và khí có giá trị. Các bãi cát ven biển có trữ lượng lớn titan. Thuận lợi cho nghề làm muối, nhất là

		ven biển Nam Trung Bộ.
Thiên tai	Bão, sạt lở bờ biển, cát bay, cát chảy, thủy triều xâm nhập mặn đất đai...	Ven biển nhiều lũ lụt làm thiệt hại nặng nề về người và tài sản, ảnh hưởng đến sản xuất. Làm hoang mạc hóa đất đai...

c/ Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

· Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa:

- Tính chất nhiệt đới: nêu biểu hiện (tổng bức xạ, cân bằng bức xạ, nhiệt độ trung bình năm, tổng số giờ nắng) và nguyên nhân.

- Lượng mưa, độ ẩm lớn: nêu biểu hiện (lượng mưa trung bình năm, độ ẩm không khí, cân bằng ẩm) và nguyên nhân.

- Gió mùa: nêu nguyên nhân, thời gian, nguồn gốc, hướng gió, tính chất của gió, phạm vi hoạt động, kiểu thời tiết đặc trưng của gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ

Gió mùa	Thời gian	Nguồn gốc	Hướng gió	Tính chất	Phạm vi hoạt động	Kiểu thời tiết đặc trưng
Mùa đông	Từ tháng XI - IV	Khối khí lạnh phương Bắc từ cao áp Xibia	Đông Bắc	Lạnh khô	Miền Bắc (Từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc)	- Nửa đầu mùa đông lạnh khô - Nửa sau mùa đông lạnh ẩm, mưa phùn ở ven biển và đồng bằng Bắc Bộ Bắc Trung Bộ
		Tín phong bán cầu Bắc	Đông Bắc	Khô nóng	Miền Nam (Từ Đà Nẵng trở vào Nam)	- Mưa ở ven biển Trung Bộ - Khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên
	Đầu mùa hạ (tháng V, VI)	Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương	Tây Nam	Nóng ẩm	Cả nước	- Mưa lớn ở Nam Bộ và Tây Nguyên - Khô nóng ở phần nam của khu vực Tây Bắc và ven biển Trung Bộ

Mùa hạ (Từ tháng V – X)	Giữa và cuối mùa hạ (từ tháng VI – X)	Tín phong bán cầu Nam vượt xích đạo lên	Tây Nam	Nóng ẩm	Cả nước	<ul style="list-style-type: none"> - Mưa lớn kéo dài ở Nam Bộ và Tây Nguyên - Khô ở Duyên hải Nam Trung Bộ - Mưa tháng IX ở Trung Bộ (Kết hợp dải hội tụ nhiệt đới) - Mưa ở Bắc Bộ (gió chuyển hướng thành Đông Nam vào)
--------------------------------	---------------------------------------	---	---------	---------	---------	--

- Sự phân mùa khí hậu:

+ Miền Bắc: Mùa đông lạnh, ít mưa, mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

+ Miền Nam: Mùa khô và mùa mưa rõ rệt

+ Tây Nguyên và ven biển Trung Bộ có sự đối lập về mùa khô và mùa mưa.

· Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên khác:

<i>Thành phần</i>	<i>Biểu hiện</i>	<i>Nguyên nhân</i>
Địa hình	<ul style="list-style-type: none"> - Xâm thực mạnh ở miền đồi núi - Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông 	Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa (quá trình phong hóa, xâm thực, vận chuyển mạnh)
Sông ngòi	<ul style="list-style-type: none"> - Mạng lưới sông ngòi dày đặc - Nhiều nước, giàu phù sa - Chế độ nước theo mùa 	<ul style="list-style-type: none"> - Phong hóa mạnh, lượng mưa lớn - Lượng mưa lớn, vật liệu của xâm thực nhiều - Gió mùa, mưa theo mùa
Đất	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp đất dày - Đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt ẩm cao nên phong hóa mạnh - Mưa nhiều, rửa trôi mạnh trên đá mẹ axit ở vùng đồi núi thấp

Sinh vật	Đa dạng, phong phú Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa với các thành phần loài nguồn gốc nhiệt đới chiếm ưu thế.	Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có đường biên dài, địa hình và đất đa dạng
-----------------	--	--

c/ Thiên nhiên phân hóa đa dạng

· Thiên nhiên phân hóa theo Bắc – Nam:

- Nguyên nhân: Lãnh thổ trải dài trên 15 vĩ độ nên khí hậu có sự thay đổi theo vĩ độ.

- Đặc điểm tiêu biểu về khí hậu, cảnh quan của phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam (SGK)

· Thiên nhiên phân hóa theo Đông – Tây

- Nguyên nhân: Địa hình nước ta cao ở phía Tây và thấp dần về phía Đông; ảnh hưởng của các dãy núi hướng Tây Bắc – Đông Nam; ảnh hưởng của biển Đông.

- Đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên của 3 dải: vùng biển và thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển, vùng đồi núi. (SGK)

· Thiên nhiên phân hóa theo độ cao:

- Nguyên nhân: do sự thay đổi của khí hậu theo độ cao

- Đặc điểm tiêu biểu của 3 đai: đai nhiệt đới gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi, đai ôn đới gió mùa trên núi.

· Các miền địa lý tự nhiên: dựa vào SGK và Atlas Địa lý Việt Nam, tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của 3 miền theo gợi ý sau:

	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
Phạm vi			
Địa chất – địa hình			
Khí hậu			

<i>Sông ngòi</i>			
<i>Sinh vật</i>			
<i>Khoáng sản</i>			
<i>Thuận lợi</i>			
<i>Khó khăn</i>			

3. Nội dung: Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên

a/ Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Đối với mỗi loại tài nguyên, học sinh cần tìm hiểu việc sử dụng và bảo vệ theo các nội dung sau:

<i>Tài nguyên</i>	<i>Hiện trạng</i>	<i>Nguyên nhân</i>	<i>Biện pháp sử dụng và bảo vệ</i>
<i>Rừng</i>			
<i>Đa dạng sinh học</i>			
<i>Đất</i>			
<i>Nước</i>			
<i>Khoáng sản</i>			
<i>Biển</i>			

b/ Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

· Bảo vệ môi trường: có 2 vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta: tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường và tình trạng ô nhiễm môi trường. (Học sinh nên hệ thống kiến thức theo gợi ý dưới đây)

<i>Vấn đề</i>	<i>Biểu hiện</i>	<i>Nguyên nhân</i>	<i>Giải pháp</i>
---------------	------------------	--------------------	------------------

Mất cân bằng sinh thái môi trường			
Ô nhiễm môi trường			

· Một số thiên tai chủ yếu và biện pháp phòng chống:
(Học sinh nên hệ thống kiến thức theo gợi ý dưới đây)

Thiên tai	Tình hình	Hậu quả	Biện pháp phòng chống
Bão			
Ngập lụt			
Lũ quét			
Hạn hán			
Các thiên tai khác			

· Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường: bảo vệ đi đôi với phát triển bền vững. *(nội dung các nhiệm vụ của chiến lược: SGK)*

GIỚI THIỆU MỘT SỐ CÂU HỎI

Câu 1: Phân tích những thuận lợi và khó khăn do vị trí địa lí mang lại đối với tự nhiên, kinh tế, văn hóa – xã hội, quốc phòng ở nước ta.

Câu 2: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, nêu đặc điểm chung của địa hình Việt Nam.

Câu 3: Nêu những điểm khác nhau về địa hình giữa hai vùng núi Đông Bắc và tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

Câu 4: So sánh đặc điểm của hai đồng bằng châu thổ ở nước ta.

Câu 5: Em thích định cư ở miền núi hay đồng bằng? Vì sao?

Câu 6: Biển Đông có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu, địa hình và các hệ sinh thái ven biển nước ta?

Câu 7: Biển Đông đã mang lại cho nước ta những thuận lợi và khó khăn gì trong đời sống và sản xuất?

Câu 8: Vì sao khí hậu nước ta lại mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa?

Câu 9: Trình bày hoạt động của gió mùa ở nước ta và hệ quả của nó đối với sự phân chia mùa khác nhau giữa các khu vực.

Câu 10: Vì sao địa hình, sông ngòi, đất, sinh vật nước ta lại mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần này như thế nào?

Câu 11: Nêu đặc điểm của mỗi miền địa lí tự nhiên. Những thuận lợi và khó khăn trong việc sử dụng tự nhiên của mỗi miền?

Câu 12: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy so sánh sự khác nhau về tự nhiên giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ của nước ta.

Câu 13: Trình bày hoạt động và hậu quả của bão ở Việt Nam. Nêu một số biện pháp phòng chống bão.

GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ BÀI TẬP

I/ BÀI TẬP RÈN KĨ NĂNG ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BẢNG SỐ LIỆU

1. Bài tập 2/SGK trang 44

- Yêu cầu bài: Nhận xét về sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào nam và giải thích nguyên nhân.

- Cách làm: Nên nhận xét theo từng cột dọc của bảng số liệu và kết hợp giải thích nguyên nhân ngay sau mỗi ý nhận xét

Không nên: Nhận xét hết các cột rồi mới giải thích nguyên nhân. Nếu làm như vậy, khi giải thích sẽ phải nhắc lại các ý đã nhận xét và rất có thể bị thiếu ý.

- Cụ thể: nhận xét và giải thích về cột Nhiệt độ trung bình năm trước, sau đó lần lượt đến cột Nhiệt độ trung bình tháng I và tháng VII:

+ Nhiệt độ trung bình năm tại các địa điểm từ Bắc vào Nam đều cao hơn 20°C và có sự tăng dần từ Bắc vào Nam. Nguyên nhân: do vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến và lãnh thổ hẹp ngang, dài theo chiều Bắc Nam nên từ bắc vào nam, vĩ độ giảm dần, càng gần xích đạo, góc nhập xạ trung bình năm càng lớn vì thế nhiệt độ trung bình năm tăng dần.

+ Nhiệt độ trung bình tháng I cũng tăng dần từ Bắc vào Nam. Từ Lạng Sơn đến Huế, nhiệt độ trung bình tháng I không vượt quá 20°C (nguyên nhân: ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, càng vào phía nam, ảnh hưởng này càng yếu đi). Từ Đà Nẵng vào đến TP. Hồ Chí Minh, nhiệt độ cũng tăng dần và trên 20°C (nguyên nhân: ảnh hưởng của gió tín phong đông bắc)

+Nhiệt độ trung bình tháng VII rất cao, trên 27°C , từ Bắc vào Nam có sự thay đổi qua các địa điểm như sau:

Từ Lạng Sơn đến Huế: nhiệt độ tăng dần (do góc nhập xạ cũng tăng dần và chịu ảnh hưởng của hiệu ứng Phơn do gió Tây nam từ Bắc Ấn độ dương gây ra). Lạng Sơn nhiệt độ thấp hơn Hà Nội do nằm ở vĩ độ cao hơn và có địa hình cao hơn. Huế nóng nhất do ảnh hưởng sâu sắc của gió Lào khô nóng.

Đến Đà Nẵng, nhiệt độ thấp hơn Huế do Huế bị chặn bởi một bên là dãy Trường Sơn Bắc, một bên là dãy Bạch Mã nên ảnh hưởng hiệu ứng phơn sâu sắc của gió Tây Nam.

Từ Đà Nẵng đến Quy Nhơn, nhiệt độ lại tăng dần, Quy Nhơn nóng nhất cả nước ($29,7^{\circ}\text{C}$), đến TP Hồ Chí Minh nhiệt độ lại giảm xuống còn $27,1^{\circ}\text{C}$. Mặc dù TP. Hồ Chí Minh gần xích đạo hơn nhưng lúc này là mùa mưa lớn do ảnh hưởng của gió Tây Nam nên làm giảm bớt nhiệt độ. Đà Nẵng và Quy Nhơn nằm phía Đông của dãy Trường Sơn Nam nên tháng 7 là mùa khô, nóng hơn.

2. Bài tập 3/SGK trang 44

- Yêu cầu: So sánh, nhận xét và giải thích về lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh.

- Cách làm: *tương tự như bài 2 ở trên.*

- Cụ thể:

- Lượng mưa: Chỉ ra nơi nào mưa nhiều nhất, nơi nào mưa ít nhất (dẫn chứng số liệu). Giải thích vì sao?

- Lượng bốc hơi: Chỉ ra nơi nào bốc hơi nhiều nhất, nơi nào bốc hơi ít nhất (dẫn chứng số liệu). Giải thích vì sao?

- Cân bằng ẩm (hiệu số giữa lượng mưa và lượng bốc hơi): Kết hợp từ hai ý nhận xét trên để rút ra nhận xét về cân bằng ẩm của mỗi địa điểm.

II/ BÀI TẬP RÈN KĨ NĂNG ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ VÀ BẢNG SỐ LIỆU

Bài 1 /SGK trang 50

Yêu cầu: Dựa vào bảng số liệu, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nhận xét và so sánh chế độ nhiệt, chế độ mưa của 2 địa điểm trên.

Cách làm: nhận xét và so sánh về chế độ nhiệt trước sau đó đến chế độ mưa. **Chú ý:** yêu cầu của bài chỉ là nhận xét và so sánh, không yêu cầu phải giải thích.

Cụ thể:

Chế độ nhiệt: Nhiệt độ TB năm của Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh nhưng chế độ nhiệt của TP. Hồ Chí Minh điều hòa hơn, còn ở Hà Nội có sự phân mùa. Nhiệt độ TB tháng lạnh nhất của Hà Nội là $16,4^{\circ}\text{C}$ trong khi đó TP. Hồ Chí Minh là $25,7^{\circ}\text{C}$. Có những thời điểm, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối của Hà Nội xuống đến $2,7^{\circ}\text{C}$ còn TP. Hồ Chí Minh là $13,8^{\circ}\text{C}$. Nhiệt độ TB tháng nóng nhất của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh

bằng nhau, $28,9^{\circ}\text{C}$ nhưng nhiệt độ tối cao tuyệt đối của Hà Nội lên tới $42,8^{\circ}\text{C}$, cao hơn TP. Hồ Chí Minh gần 3°C . Như vậy, kết quả là, biên độ nhiệt độ TB năm ở Hà Nội khá cao, đạt $12,5^{\circ}\text{C}$ còn ở TP. Hồ Chí Minh chỉ chênh nhau rất ít, biên độ nhiệt TB năm là $3,2^{\circ}\text{C}$.

Kết luận: Trong chế độ nhiệt, Hà Nội có một mùa nóng và một mùa lạnh, biên độ nhiệt TB năm khá cao. Tp. Hồ Chí Minh quanh năm nóng, chế độ nhiệt điều hòa hơn.

Chế độ mưa: Nhìn vào biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh ta thấy: Lượng mưa của TP. Hồ Chí Minh lớn hơn Hà Nội nhưng cả 2 địa điểm đều có chế độ mưa theo mùa: mùa mưa và mùa khô.

Tại Hà Nội, mùa mưa khoảng từ tháng 5 đến tháng 9, trong đó, mưa nhiều nhất vào tháng 7, 8, lượng mưa đạt trên dưới 300mm. Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, Hà Nội ít mưa, đặc biệt mưa rất thấp vào tháng 12 và tháng 1, khoảng 20 – 25mm.

Tại TP. Hồ Chí Minh, mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa lớn, luôn đạt trên 200mm, mưa nhiều nhất vào tháng 9, đạt khoảng 320mm. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, khô sâu sắc vào tháng 1, 2, 3, lượng mưa đạt dưới 20mm.

Như vậy, so sánh về chế độ nhiệt của 2 địa điểm trên ta thấy, Tp. Hồ Chí Minh có mùa mưa dài hơn và mưa lớn hơn Hà Nội còn mùa khô ở TP. Hồ Chí Minh lại khô sâu sắc hơn, mùa khô ở Hà Nội không quá ít mưa như TP. Hồ Chí Minh. Tại Hà Nội, những tháng nóng nhất là những tháng mưa nhiều, những tháng lạnh là những tháng ít mưa. Còn ở TP. Hồ Chí Minh, những tháng mưa nhiều là những tháng có nhiệt độ thấp hơn (do mưa làm dịu bớt) còn những tháng mùa khô là những tháng có nhiệt độ cao hơn một chút.